

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **42/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 07/7/2022.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con;

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Ah Sơn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc;

Bà Nguyễn Ngọc Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tống Thị H, sinh năm 1991; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Hòa T, xã Phước H, huyện Ninh P, tỉnh Ninh Thuận. Địa chỉ tạm trú: 1261/6, tổ 6, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Trần Vĩnh A, sinh năm 1991; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố 6, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1973. Địa chỉ: L241, khu dân cư Phú Gia 2, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Bảo A - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Tống Thị H trình bày:*

Về quA hệ hôn nhân: Bà H kết hôn với ông Trần Vĩnh A vào năm 2016, hôn nhân giữa hai bên là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 187, cấp ngày 06/10/2016.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó đến năm 2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được. Từ tháng 5/2019 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông A.

- Về con chung: Có 02 cháu tên là Trần An H, sinh ngày 18/01/2017 và Trần An H1, sinh ngày 10/10/2018. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng cho con. Nếu ông A có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Trần An H1, thì bà không đồng ý giao cháu H1 cho ông A nuôi dưỡng, vì cháu H1 còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ; bà H chỉ đồng ý giao cháu H cho ông A nuôi dưỡng; tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có.

** Bị đơn ông Trần Vĩnh A trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:*

- Về quA hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà H vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn như bà H khai là đúng.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên do là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Bà H có lối suy nghĩ nông nổi, trẻ con, chưa thấu đáo với trách nhiệm gia đình, hay đi chơi đêm về trễ, bạn bè thì nhiều nhưng không mang lại giá trị làm ảnh hưởng tới tình cảm vợ chồng. Hiện nay gia đình đang sống tách biệt nhau, ông ở nhà cha mẹ, còn vợ và các con sống cùng nhau tại nhà trọ, nhưng vẫn còn qua lại quan hệ với nhau, vẫn còn có thể hòa giải, giao tiếp với nhau. Do sau mâu thuẫn ông có bức bối dọn ra ngoài một thời gian ngắn, nhưng khi thấu hiểu thì vợ lại không cho quay về sống chung với nhau, làm chia cắt tình cảm cha con. Nay bà H khởi kiện ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn, do vợ chồng cần thêm thời gian để suy nghĩ kỹ càng trước khi giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông A vẫn mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, vì ông hiểu sự bốc đồng của bà H khi quyết định ly hôn là vội vàng.

- Về con chung: Có 02 cháu tên là Trần An H, sinh ngày 18/01/2017 và Trần An H1, sinh ngày 10/10/2018. Nếu bà H vẫn cương quyết ly hôn, thì ông có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Trần An H1, trường hợp bà H không đồng ý giao cháu H1 cho ông nuôi dưỡng thì ông đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trần An H, tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông A khai không có.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn ông Trần Vĩnh A:*
Về quA hệ hôn nhân và quá trình chung sống giữa bà H và ông A phát sinh mâu thuẫn trầm trọng như họ đã trình bày tại phiên tòa, nên không tranh luận, đối đáp, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, đề nghị Tòa án ghi nhận giữa ông A và bà H đã thống nhất việc nuôi dưỡng con chung, giao cháu H cho ông A nuôi dưỡng, còn cháu H1 thì do bà H nuôi dưỡng.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tống Thị H, cho bà H được ly hôn với ông Trần Vĩnh A; về con chung do bà H, ông A thống nhất về việc nuôi dưỡng con chung nên giao cháu H1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung các đương sự đều khai không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Tống Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Trần Vĩnh A, nơi cư trú tại nhà không số, tổ 7, khu phố 6, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Tống Thị H và ông Trần Vĩnh A tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 187, cấp ngày 06/10/2016; căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa bà H và ông A được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, thực hiện các công việc trong gia đình; tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng bà H, ông A đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn hợp nhau về tính tình. Từ tháng 5/2019 cho đến nay hai người đã sống ly thân, bà H sinh sống cùng hai con ở nhà trọ, còn ông A sinh sống tại nhà ở của gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự hàn gắn, nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn, còn ông A không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều thừa nhận trong thời gian chung sống và qua thời gian sống ly thân phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho đời sống chung không thể kéo dài. Tuy nhiên ông A vẫn không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà H và ông A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giữa bà H và ông A có 02 con chung là Trần An H, sinh ngày 18/01/2017 và Trần An H1, sinh ngày 10/10/2018. Tại phiên tòa, bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H1 và đồng ý giao cháu H cho ông A nuôi dưỡng, điều này cũng hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng chính đáng về việc

nuôi dưỡng con chung của bà H và ông A. Do vậy căn cứ theo qui định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; giao cháu Trần An H1 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Trần An H cho ông A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về nghĩa vụ cấp dưỡng tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng cho con do các đương sự không yêu cầu; bà H và ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông A đều khai không có, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn ông Trần Vĩnh A phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Tổng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tổng Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tổng Thị H được ly hôn với ông Trần Vĩnh A.

- Về con chung: Giao cháu Trần An H1, sinh ngày 10/10/2018 cho bà Tổng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Trần An H, sinh ngày 18/01/2017 cho ông Trần Vĩnh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng cho con.

Bà H và ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông A đều khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Tổng Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn

đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004243 ngày 27/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Vĩnh A, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 187, ngày 06/10/2016);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Ah Sơn